

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2017
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017



Tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Phạm Đình Ngu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt	Ủy viên
3. Bà Văn Thị Lan Anh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
3. Bà Trần Thị Thoán	Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Lê Trung

Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Phê duyệt của người đại diện theo pháp luật

Phạm Ánh Dương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 15.08/2017/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Như Phương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và

Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017


MẪU B 01a-DN
 Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.023.313.522.675	1.123.392.357.975
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	130.286.689.601	271.195.540.667
1. Tiền	111		86.221.501.642	119.168.304.270
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.065.187.959	152.027.236.397
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	150.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		328.172.624.723	392.511.532.808
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	212.944.116.669	204.674.630.115
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	75.249.766.769	148.079.904.039
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	39.978.741.285	40.224.129.892
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(467.131.238)
III. Hàng tồn kho	140		393.057.555.872	417.363.145.829
1. Hàng tồn kho	141	5.6	393.057.555.872	417.363.145.829
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.796.652.479	42.322.138.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	15.461.964.729	21.266.549.943
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.334.687.750	21.055.588.728
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.879.937.835.098	1.661.629.490.029
I. Tài sản cố định	220		1.401.482.763.111	1.304.914.037.031
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.348.468.044.116	1.232.275.819.024
- Nguyên giá	222		1.727.331.763.736	1.573.025.768.925
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(378.863.719.620)	(340.749.949.901)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	53.014.718.995	72.638.218.007
- Nguyên giá	228		57.069.479.029	75.966.426.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.054.760.034)	(3.328.208.022)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		392.466.381.126	208.354.542.284
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	392.466.381.126	208.354.542.284
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		62.367.618.356	126.274.171.611
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.15	62.367.618.356	93.367.618.356
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	32.906.553.255
IV. Tài sản dài hạn khác	260		23.621.072.505	22.086.739.103
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	23.621.072.505	22.086.739.103
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.903.251.357.773	2.785.021.848.004

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 01a-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.903.624.005.224	1.879.120.984.366
I. Nợ ngắn hạn	310		963.181.923.798	1.051.544.496.328
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	280.779.978.530	301.189.460.907
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	13.226.543.522	10.691.662.256
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	14.467.809.469	6.473.529.463
4. Phải trả người lao động	314		5.525.597.579	8.583.828.552
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	4.947.703.916	5.243.946.325
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	642.963.196.958	719.337.640.571
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.271.093.824	24.428.254
II. Nợ dài hạn	330		940.442.081.426	827.576.488.038
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	940.442.081.426	827.576.488.038
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		999.627.352.549	905.900.863.638
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	999.627.352.549	905.900.863.638
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		592.499.880.000	569.649.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		592.499.880.000	569.649.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.568.767.329	160.721.267.329
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		40.986.236.108	33.886.962.310
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.612.477.781	11.612.477.781
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		192.959.991.331	130.030.276.218
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		54.607.176.343	51.280.874.906
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		138.352.814.988	78.749.401.312
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.903.251.357.773	2.785.021.848.004


 Hồ Thị Hòe
 Người lập
 Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017


 Hòa Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Lê Trung
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 02a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.472.944.865.120	898.661.467.858
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	4.803.496.388	735.694.602
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.468.141.368.732	897.925.773.256
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.274.109.193.112	787.091.090.378
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		194.032.175.620	110.834.682.878
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	82.250.394.730	14.946.377.990
7. Chi phí tài chính	22	6.4	39.994.801.140	16.760.331.755
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.497.734.134	11.534.354.076
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	37.088.523.867	18.753.049.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	31.510.677.015	24.904.489.641
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		167.688.568.328	65.363.189.854
11. Thu nhập khác	31	6.6	683.978.935	2.762.749.469
12. Chi phí khác	32	6.7	236.116.538	8.145.058
13. Lợi nhuận khác	40		447.862.397	2.754.604.411
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		168.136.430.725	68.117.794.265
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	29.783.615.737	7.364.857.607
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		138.352.814.988	60.752.936.658



Hò

Hồ Thị Hòe
 Người lập
 Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

luha

Hòa Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Trung

Nguyễn Lê Trung
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 03a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	168.136.430.725	68.117.794.265
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	67.249.168.305	37.954.608.300
Các khoản dự phòng	03	-	467.131.238
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.611.627.096	305.096.364
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(67.966.660.250)	(10.179.708.531)
Chi phí lãi vay	06	31.497.734.134	11.534.354.076
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	201.528.300.010	108.199.275.712
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(9.029.231.408)	(207.951.962.038)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	24.305.589.957	(41.172.919.718)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(68.397.800.483)	206.727.237.857
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	4.270.251.812	(4.968.853.105)
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.497.734.134)	(11.534.354.076)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.755.555.656)	(8.749.594.239)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	88.597.354.469	30.628.141.570
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(10.112.172.507)	(2.893.543.417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	177.909.002.060	68.283.428.546

Hò

Hồ Thị Hòe
 Người lập
 Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

luhà

Hòa Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Trung
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 03a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(302.186.260.625)	(519.204.856.520)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	486.363.637	5.150.733.452
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(150.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(20.000.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	150.547.322.000	140.095.852.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.523.209.006	7.912.344.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(319.629.365.982)	(366.045.926.993)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	23.727.500.000	25.905.200.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.517.141.443.100	753.875.049.356
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.483.106.528.530)	(632.679.848.470)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(56.907.588.000)	(34.609.811.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	854.826.570	112.490.589.286
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(140.865.537.352)	(185.271.909.161)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	271.195.540.667	340.135.133.873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(43.313.714)	(83.828.561)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	130.286.689.601	154.779.396.151



Hò
Hò Thị Hòe
 Người lập
 Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

luhà
Hòa Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Trung
Nguyễn Lê Trung
 Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 ngày 21 tháng 06 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 592.499.880.000 đồng (Năm trăm chín mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn).

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.766 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.589 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 ngày 21 tháng 06 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 592.499.880.000 đồng (Năm trăm chín mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nhựa và bao bì nhựa các loại.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2017, cấu trúc hoạt động của Công ty như sau:

- {i} Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại Công ty con đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- {ii} Công ty TNHH Nhựa Thakhek (“Công ty con”) là Công ty TNHH được thành lập theo Thỏa thuận phát triển dự án số 007/TSZ ngày 05 tháng 03 năm 2013 giữa Ban quản lý đặc khu kinh tế riêng biệt Thakhek, tỉnh Khammouane.

Công ty con có tên giao dịch là THAKHEK PLASTIC CO.,LTD.

Trụ sở của Công ty con tại Làng Vern, huyện Thakhek, tỉnh Khammouane, CHDCND Lào.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty và các công ty con có những sự kiện ảnh hưởng đến cơ cấu doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- {a} Các cổ đông sáng lập chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu cho Công ty Cổ phần An Phát Holdings.
- {b} Ngày 12 tháng 4 năm 2017, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đã hoàn thành nội dung thoái vốn tại Công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (mã cổ phiếu HII). Đến thời điểm hoàn thành giao dịch, tổng vốn đầu tư còn lại tại HII là 48.000.000.000 đồng; chiếm tỷ lệ 35,29%. Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là cổ đông sáng lập nắm giữ quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nắm giữ quyền bổ nhiệm Giám đốc Công ty. Như vậy, Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái vẫn hoạt động với tư cách là công ty con của Công ty CP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát.
- {c} Theo Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu số 199/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 6 năm 2017, Cổ phiếu của Công ty Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã Chứng khoán là HII, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành là 13.600.000 cổ phiếu. Ngày niêm yết có hiệu lực là ngày 14 tháng 6 năm 2017; ngày chính thức giao dịch là ngày 22 tháng 06 năm 2017.
- {d} Ngày 10 tháng 01 năm 2017, Công ty đã hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ 966.582 cổ phiếu VBC (Mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì Vĩnh). Trong phiên giao dịch toàn bộ cổ phiếu VBC mà Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát nắm giữ được chuyển nhượng với giá bình quân 71.000 đồng/cổ phiếu.
- {e} Ngày 28 tháng 2 năm 2017, theo Biên bản họp Hội đồng Cổ đông thường niên số 2802/2017/BB-DHĐ, Công ty Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái đã thông qua việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Liên vận An Tín với số vốn góp thêm là 36.000.000.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu bằng 54,55%. Ngày 4 tháng 4 năm 2017, nội dung góp vốn đã hoàn thành.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Cũng theo Biên bản nói trên, Đại Hội đồng Cổ đông thông qua việc góp vốn thành lập công ty con Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành với tổng vốn điều lệ bằng 30.000.000.000 đồng, trong đó Công ty đã góp 29.000.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu tương ứng là 96,67%. Ngày 16 tháng 5 năm 2017, nội dung góp vốn cho Công ty con đã hoàn thành.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

4. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	05 - 25
Tài sản khác	04 - 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	50
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	25
Quyền sử dụng đất Nhà máy 5	40
Quyền sử dụng đất Nhà máy 6	47
Phần mềm máy vi tính	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều niên độ thì doanh thu được ghi nhận trong niên độ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của niên độ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy 1, Nhà máy 2, Nhà máy số 3, Nhà máy 6 và Nhà máy 7 hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 20%. Nhà máy số 5 được miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	11.584.148.695	687.420.079
Tiền gửi ngân hàng	74.637.352.947	118.480.884.191
Các khoản tương đương tiền (*)	44.065.187.959	152.027.236.397
Cộng	130.286.689.601	271.195.540.667

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng lãi suất từ 4,3%/năm đến 5%/năm.

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

{a} Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 275/HĐTP-B/VPBS/HKS_CP/HO ngày 29 tháng 06 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đặt mua 550.000 trái phiếu của Công ty TNHH Habuka với mệnh giá là 100.000 đồng, tổng số tiền là 55 tỷ đồng chẵn.

Theo giấy đề nghị kiêm thỏa thuận chuyển nhượng trái phiếu ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát sẽ thực hiện chuyển nhượng lại cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là 550.000 trái phiếu của Công ty TNHH Habuka, mệnh giá 100.000 đồng, tổng giá trị chuyển nhượng lại là 56.963.500.000 đồng. Ngày thực hiện việc chuyển giao quyền sở hữu là ngày 29 tháng 11 năm 2017.

{b} Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 33/HĐTP-B/VPBS/ATK_Q/HO ngày 22 tháng 6 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đặt mua 950.000 trái phiếu của Công ty TNHH MTV Ataka với mệnh giá là 100.000 đồng, tổng số tiền là 95 tỷ đồng chẵn.

Theo giấy đề nghị kiêm thỏa thuận chuyển nhượng trái phiếu ngày 06 tháng 07 năm 2017, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát sẽ thực hiện chuyển nhượng lại cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là 950.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng, tổng giá trị chuyển nhượng lại là 98.391.500.000 đồng. Ngày thực hiện việc chuyển giao quyền sở hữu là 22 tháng 11 năm 2017.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng trong nước	21.931.844.682	28.964.897.691
Phải thu khách hàng nước ngoài	191.012.271.987	175.709.732.424
Cộng	212.944.116.669	204.674.630.115

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán trong nước	29.370.710.362	38.175.530.500
Trả trước cho người bán nước ngoài	45.879.056.407	109.904.373.539
Cộng	75.249.766.769	148.079.904.039

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	9.510.149.028	8.178.822.238
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	3.789.210.700
Thuế GTGT đề nghị hoàn	7.000.000.000	28.091.050.852
Tiền bồi thường đất được hỗ trợ	18.481.993.000	-
Phải thu khác	4.986.599.257	165.046.102
Cộng	39.978.741.285	40.224.129.892

5.6. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.511.583.114	-	26.925.196.561	-
Nguyên liệu, vật liệu	270.549.932.947	-	299.399.413.447	-
Công cụ, dụng cụ	15.616.419.462	-	11.393.154.789	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.809.762.345	-	16.064.918.516	-
Thành phẩm	80.569.858.004	-	63.580.462.516	-
Cộng	393.057.555.872	-	417.363.145.829	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho kỳ hoạt động từ
 01/01/2017 đến 30/06/2017
MẪU SỐ B09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2017	359.530.452.771	1.076.599.310.869	97.902.652.803	5.396.869.578	13.650.983.000	19.945.499.904	1.573.025.768.925
Mua trong kỳ	-	136.380.522.486	28.221.612.634	448.688.400	-	481.000.000	165.531.823.520
Đầu tư XD/CB hoàn thành	16.276.398.252	-	-	-	-	1.590.300.751	17.866.699.003
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.092.527.712)	-	-	-	-	(29.092.527.712)
Tại ngày 30/06/2017	375.806.851.023	1.183.887.305.643	126.124.265.437	5.845.557.978	13.650.983.000	22.016.800.655	1.727.331.763.736
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2017	37.622.563.378	271.712.006.844	21.719.040.638	1.266.660.094	4.399.277.515	4.030.401.432	340.749.949.901
Khấu hao trong kỳ	8.886.013.239	49.720.757.725	6.258.870.411	325.906.686	377.877.252	953.190.980	66.522.616.293
Thanh lý, nhượng bán	-	(28.408.846.574)	-	-	-	-	(28.408.846.574)
Tại ngày 30/06/2017	46.508.576.617	293.023.917.995	27.977.911.049	1.592.566.780	4.777.154.767	4.983.592.412	378.863.719.620
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2017	321.907.889.393	804.887.304.025	76.183.612.165	4.130.209.484	9.251.705.485	15.915.098.472	1.232.275.819.024
Tại ngày 30/06/2017	329.298.274.406	890.863.387.648	98.146.354.388	4.252.991.198	8.873.828.233	17.033.208.243	1.348.468.044.116

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.348.468.044.116 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.232.275.819.024 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 16.500.564.757 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 40.266.362.843 đồng).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	75.827.426.029	139.000.000	75.966.426.029
Giảm khác (*)	(18.896.947.000)	-	(18.896.947.000)
Tại ngày 30/06/2017	<u>56.930.479.029</u>	<u>139.000.000</u>	<u>57.069.479.029</u>
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	3.239.735.804	88.472.218	3.328.208.022
Khấu hao trong kỳ	708.718.680	17.833.332	726.552.012
Tại ngày 30/06/2017	<u>3.948.454.484</u>	<u>106.305.550</u>	<u>4.054.760.034</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	<u>72.587.690.225</u>	<u>50.527.782</u>	<u>72.638.218.007</u>
Tại ngày 30/06/2017	<u>52.982.024.545</u>	<u>32.694.450</u>	<u>53.014.718.995</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 52.982.024.545 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 72.638.218.007 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 32.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 32.000.000 đồng).

(*) Tiền hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy 6 theo công văn số 4806/XN-CT của Cục thuế tỉnh Hải Dương về việc tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất diện tích đất thuê: 99.212 m²- NM6, thời gian thuê đất đến hết 15 tháng 8 năm 2064. Theo đó, tổng số tiền hỗ trợ là 18.896.947.000 đồng, được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của Công ty Cổ phần nhựa và môi trường xanh An Phát từ tháng 6 năm 2017 đến hết tháng 12 năm 2043.

5.9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.461.964.729	21.266.549.943
Cộng	<u>15.461.964.729</u>	<u>21.266.549.943</u>
b. Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.621.072.505	22.086.739.103
Cộng	<u>23.621.072.505</u>	<u>22.086.739.103</u>

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nhà máy số 6 (Dự án 10 ha)	13.577.128.312	161.966.410.420
- Xây dựng cơ bản dở dang	5.025.303.562	78.649.756.367
- Mua sắm máy móc thiết bị	8.551.824.750	83.316.654.053
Nhà máy số 7	279.898.167.195	41.809.579.319
- Xây dựng cơ bản dở dang	85.225.045.523	40.297.183.319
- Mua sắm máy móc thiết bị	194.673.121.672	1.512.396.000
Nhà máy số 8	33.594.375.000	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	33.594.375.000	-
Nhà điều hành	54.596.710.619	4.181.074.545
- Xây dựng cơ bản dở dang	54.596.710.619	4.181.074.545
Cải tạo nhà máy số 2 và 3	-	223.746.000
Cải tạo nhà máy số 5	-	173.732.000
Khu nhà ở công nhân viên	10.800.000.000	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	10.800.000.000	-
Cộng	392.466.381.126	208.354.542.284

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	244.412.334.436	244.412.334.436	264.563.403.829	264.563.403.829
Phải trả nhà cung cấp trong nước	36.367.644.094	36.367.644.094	36.626.057.078	36.626.057.078
Cộng	280.779.978.530	280.779.978.530	301.189.460.907	301.189.460.907
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Chi tiết theo Thuyết minh 7.2	6.609.666.451	6.609.666.451	-	-
Cộng	6.609.666.451	6.609.666.451	-	-

CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ
01/01/2017 đến 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước nước ngoài	12.052.711.994	12.052.711.994	9.328.214.301	9.328.214.301
Người mua trả tiền trước trong nước	1.173.831.528	1.173.831.528	1.363.447.955	1.363.447.955
Cộng	13.226.543.522	13.226.543.522	10.691.662.256	10.691.662.256

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	867.648	47.080.153.740	47.081.021.388	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	514.217.910	514.217.910	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.425.810.315	29.783.615.737	21.755.555.656	14.453.870.396
Thuế thu nhập cá nhân	46.851.500	2.555.003.948	2.587.916.375	13.939.073
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	6.473.529.463	79.935.991.335	71.941.711.329	14.467.809.469

5.14. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	241.399.520	410.413.724
- Bảo hiểm xã hội	8.617.065	8.394.100
- Bảo hiểm thất nghiệp;	1.082.227	1.159.045
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	276.631.292	219.231.292
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.419.973.812	4.604.748.164
Cộng	4.947.703.916	5.243.946.325

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho kỳ hoạt động từ
 01/01/2017 đến 30/06/2017
MÃ SỐ B09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
5.15. Đầu tư vào Công ty con

a. Chi tiết đầu tư Công ty con

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	48.000.000.000	101.520.000.000	-	79.000.000.000
Công ty TNHH Nhựa Thakhek	14.367.618.356	-	-	14.367.618.356
Cộng	62.367.618.356	101.520.000.000	-	93.367.618.356

(*) Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

(**) Giá trị hợp lý tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 được tính toán theo giá trị thị trường của cổ phiếu HII, giá đóng cửa ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 21.500 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu nắm giữ là 4.800.000 đồng.

b. Thông tin chi tiết hoạt động của Công ty con

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	Yên Bái	35,29%	60,00%	Khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE); dịch vụ liên quan đến in, bán lẻ xi măng, gạch xây, vật liệu xây dựng khác; thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải.
2.	Công ty TNHH Nhựa Thakhek	CHDCND Lào	100,00%	100,00%	Mua bán nhựa từ nước ngoài và nội địa nước CHDCND Lào; Sản xuất hạt nhựa tái chế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho kỳ hoạt động từ
 01/01/2017 đến 30/06/2017
MẪU SỐ B09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương {i}	222.962.621.450	222.962.621.450	445.905.821.171	474.439.926.569	251.496.726.848	251.496.726.848
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - PG Bank {ii}	109.414.497.812	109.414.497.812	109.441.778.617	27.280.805	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương {iii}	96.593.163.343	96.593.163.343	148.338.406.899	223.373.377.157	171.628.133.601	171.628.133.601
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Dương {iv}	100.340.512.069	100.340.512.069	126.532.986.604	125.768.929.352	99.576.454.817	99.576.454.817
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương {v}	110.576.146.821	110.576.146.821	141.744.321.980	125.812.033.450	94.643.858.291	94.643.858.291
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I {vi}	3.076.255.463	3.076.255.463	3.076.255.463	-	-	-
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - CN Hà Nội	-	-	94.966.235.742	132.647.560.357	37.681.324.615	37.681.324.615
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	20.430.061.989	50.577.046.494	30.146.984.505	30.146.984.505
- Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - CN Hà Nội	-	-	3.043.210.500	33.139.883.700	30.096.673.200	30.096.673.200
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Dương	-	-	26.031.941.175	30.099.425.869	4.067.484.694	4.067.484.694
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Sở giao dịch	-	-	12.573.475.200	12.573.475.200	-	-
- Vay tổ chức	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Cộng	642.963.196.958	642.963.196.958	1.182.084.495.340	1.258.458.938.953	719.337.640.571	719.337.640.571

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

- {i} Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 04.05/CNHD9/2017/HĐCVHM/ANPHAT ngày 04 tháng 05 năm 2017 với hạn mức cho vay là 500 tỷ đồng. Thời hạn hợp đồng vay từ ngày 04 tháng 05 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018, lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.
- {ii} Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 660.030/2017/HĐTĐHM-DN/PGbankHD ngày 20 tháng 02 năm 2017 với hạn mức cho vay là 110 tỷ đồng. Thời hạn hợp đồng vay từ ngày 20 tháng 02 năm 2017 đến ngày 20 tháng 02 năm 2018, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại nhà máy III của Công ty CP nhựa và Môi trường xanh An Phát theo hợp đồng thế chấp hàng luân chuyển số 045/HĐTC/PGBHD-17 ngày 20/02/2017.
- {iii} Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 160060/NHNTHD ngày 02 tháng 08 năm 2016 với hạn mức cho vay là 250 tỷ đồng. Thời hạn khoản vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này với lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.
- {iv} Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 28230.16.270.300401.TD ngày 11 tháng 08 năm 2016 với hạn mức cho vay là 130 tỷ đồng. Thời hạn khoản vay từ 11 tháng 08 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 với lãi suất vay xác định từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.
- {v} Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1347719/HĐTĐHM ngày 17 tháng 04 năm 2017 với hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng. Thời hạn khoản vay từ 17 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018 với lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bên vay, bên thứ ba với ngân hàng.
- {vi} Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/1347719/HĐTD ngày 31 tháng 03 năm 2017 với hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng bao gồm cả VND và ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ký hợp đồng với lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho kỳ hoạt động từ
 01/01/2017 đến 30/06/2017
MẪU SỐ B09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	332.244.581.426	332.244.581.426	89.505.463.770	45.668.230.382	288.407.348.038	288.407.348.038
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương {i}	110.100.000.000	110.100.000.000	-	10.200.000.000	120.300.000.000	120.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương {ii}	74.051.397.854	74.051.397.854	6.420.000.000	12.065.637.252	79.697.035.106	79.697.035.106
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương {iii}	84.227.561.772	84.227.561.772	48.722.552.000	16.094.231.960	51.599.241.732	51.599.241.732
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương {iv}	24.602.400.000	24.602.400.000	-	2.782.600.000	27.385.000.000	27.385.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch I {v}	39.263.221.800	39.263.221.800	34.362.911.770	4.525.761.170	9.426.071.200	9.426.071.200
Vay cá nhân	-	-	26.400.000.000	119.006.640.000	92.606.640.000	92.606.640.000
Vay tổ chức {vi}	220.960.000.000	220.960.000.000	220.960.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần An phát Holdings	220.960.000.000	220.960.000.000	220.960.000.000	-	-	-
Trái phiếu phát hành {vii}	387.237.500.000	387.237.500.000	675.000.000	60.000.000.000	446.562.500.000	446.562.500.000
Cộng	940.442.081.426	940.442.081.426	337.540.463.770	224.674.870.382	827.576.488.038	827.576.488.038

{i} Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 02/2016/1347719/HĐTD ngày 23 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 68 tỷ đồng. Thời hạn vay trong vòng 60 tháng cho vay trong hạn là 10,5%/năm. Mục đích khoản vay để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do tham gia dự án đầu tư 12 máy thổi màng nhựa. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, hàng tồn kho chậm luân chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

{ii}

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 29.05.CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MAZDA3 ngày 29 tháng 05 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 560.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn với lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Khoản vay sử dụng để mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại hợp đồng thế chấp số 29.05/CNHD9/2017/HĐTC/ANPHAT/MAZDA3 ngày 29 tháng 05 năm 2017 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 805.000.000 đồng.

Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 06.06.CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/OTO ngày 06 tháng 6 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4.300.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn với lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Mục đích sử dụng để mua tài sản cố định. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp.

Vay ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn với số tiền vay quy định từng hợp đồng và thời hạn từ 50 - 60 tháng, thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn với lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Mục đích sử dụng để mua sắm tài sản cố định. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

{iii}

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.365/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 05/06/2017 với hạn mức tín dụng là 44.465.542.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn với lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm máy móc thiết bị. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 63.522.204.733 đồng.

Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn với số tiền vay quy định từng hợp đồng và thời hạn từ 50 - 60 tháng. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất các khoản vay từ 10,5%/năm đến 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải và tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

{iv} Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 150092/NHNTHD ngày 14 tháng 09 năm 2015 với tổng hạn mức là 784.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên với lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay. Khoản vay được sử dụng để mua sắm tài sản cố định. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 160104/HNNTHD ngày 28 tháng 12 năm 2016 với tổng hạn mức là 7.560.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 7,5%/năm, các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng thêm 2,5%/năm. Khoản vay để thanh toán các chi phí phát sinh khi thực hiện "Chương án đầu tư mua nhà ở công nhân viên". Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ các quyền, lợi ích của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát phát sinh từ "Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê" ký với Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương Mại Tùng Phương với tổng giá trị đảm bảo là 10.847.387.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 160107/HNNTHD ngày 30 tháng 12 năm 2016 với tổng hạn mức là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên với lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trong tháng 12 năm 2016 là 8,4%/năm và có định trong 02 năm đầu tiên. Các năm tiếp theo xác định bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả sau cộng với mức biên (margin) là 2,8%/năm. Mục đích của khoản vay là thực hiện thanh toán các chi phí phát sinh khi thực hiện "Chương án đầu tư mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh" Khoản vay được đảm bảo bằng thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 04339616, kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2016.

{v} Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/1347719/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền tương đương 44 tỷ đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất xác định từng lần giải ngân. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định. Khoản vay được đảm bảo bằng các hình thức sau: Khoản ký quỹ trên tài khoản thanh toán tại Ngân hàng với số tiền là 4.500.000.000 đồng; Hợp đồng cầm có tiền gửi số 30331133.ITGKH/TCB tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 5.136.590.000 đồng.

{vi} Khoản vay dài hạn của Công ty cổ phần An phát Holdings theo các hợp đồng có thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất áp dụng cho khoản vay là 4,5%/tháng. Mục đích các khoản vay để bổ sung vốn đầu tư. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp. Bao gồm các hợp đồng sau: Hợp đồng tín dụng số 01062017/AP ngày 01 tháng 06 năm 2017 với số tiền vay là 95.000.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 0206/AP ngày 20 tháng 06 năm 2017 với số tiền vay là 50.000.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 02062017/AP ngày 21 tháng 06 năm 2017 với số tiền vay là 25.960.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 03062017/AP ngày 22 tháng 06 năm 2017 với số tiền vay là 50.000.000.000 đồng.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

{vii} Trái phiếu phát hành theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01 tháng 12 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Trái phiếu được phát hành là Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và đính kèm theo chứng quyền. Trái phiếu và chứng quyền được tách riêng kể từ ngày phát hành và được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Với mỗi một chứng quyền nhận được, người sở hữu chứng quyền được quyền mua 100 cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành. Chứng quyền bắt đầu được thực hiện sau 12 tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu. Thời hạn thực hiện chứng quyền là ba năm kể từ ngày phát hành trái phiếu. Mục đích phát hành trái phiếu để đầu tư xây dựng nhà máy mới, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Số lượng trái phiếu phát hành là 300.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu. Với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được một (1) chứng quyền, tương ứng là 300.000 chứng quyền. Ngày phát hành 04 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 03 năm, lãi suất 5,6%/ năm đầu tiên; Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng;
- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETTIBANK.HD ngày 06/09/2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nilon số 6, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, số lượng 150 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu. Ngày phát hành là ngày 06 tháng 09 năm 2016 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất 7,0%/ năm đầu tiên, Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng 1 lần và được xác định theo nguyên tắc bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 2,0%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ hoạt động từ
01/01/2017 đến 30/06/2017
MẪU SỐ B09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	494.999.880.000	147.408.567.329	31.886.168.760	11.612.477.781	95.296.745.891	781.203.839.761
Vốn góp tăng trong năm	74.650.000.000	13.312.700.000	-	-	(4.000.000.000)	83.962.700.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	130.649.389.312	130.649.389.312
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.000.793.550	-	(5.365.879.385)	(3.365.085.835)
Trả cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(34.649.991.600)	(34.649.991.600)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(51.899.988.000)	(51.899.988.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	569.649.880.000	160.721.267.329	33.886.962.310	11.612.477.781	130.030.276.218	905.900.863.638
Vốn góp tăng trong năm (i)	22.850.000.000	877.500.000	-	-	-	23.727.500.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	138.352.814.988	138.352.814.988
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	7.099.273.798	-	(18.458.111.875)	(11.358.838.077)
Trả cổ tức năm 2016 (ii)	-	-	-	-	(56.964.988.000)	(56.964.988.000)
Giảm khác (iii)	-	(30.000.000)	-	-	-	(30.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	592.499.880.000	161.568.767.329	40.986.236.108	11.612.477.781	192.959.991.331	999.627.352.549

(i) Công ty thực hiện tăng vốn theo các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1082/2017/NQ - ĐHD ngày 18 tháng 02 năm 2017 của Đại hội Đồng cổ đông phát hành cổ phiếu cho cán bộ, công nhân viên của Công ty với số lượng cổ phiếu phát hành là thêm 1.700.000 cổ phiếu.

- Nghị Quyết số 2905/2017/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng quản trị phát hành cổ phần để thực hiện Chứng Quyền phát hành kèm theo Trái phiếu đợt 2 với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 585.000 cổ phiếu.

(ii) Phân chia các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11802/2017NQ-ĐHD ngày 18/02/2017, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 8%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và tạm chia cổ tức năm 2017 trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2016 với tỷ lệ 77,12%.

(iii) Khoản phí tư vấn liên quan đến tăng vốn.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với Chủ sở hữu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	569.649.880.000	494.999.880.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	22.850.000.000	24.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	592.499.880.000	518.999.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	56.964.988.000	34.649.991.600

c. Cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 Cổ phiếu	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.249.988	51.899.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.249.988	51.899.988
- Cổ phiếu phổ thông	59.249.988	51.899.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.249.988	51.899.988
- Cổ phiếu phổ thông	59.249.988	51.899.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

5.19. Báo cáo bộ phận

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.472.944.865.120	898.661.467.858
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán thành phẩm	1.192.460.684.459	761.650.913.780
- Doanh thu bán hàng hóa	279.508.372.934	136.411.514.078
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	975.807.727	599.040.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.803.496.388	735.694.602
- Giảm giá hàng bán	66.356.818	454.742.569
- Hàng bán bị trả lại	4.737.139.570	280.952.033
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.468.141.368.732	897.925.773.256

6.2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.000.129.782.419	654.912.816.096
Giá vốn hàng hóa đã bán	273.979.410.693	132.178.274.282
Cộng	1.274.109.193.112	787.091.090.378

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	1.523.209.006	1.146.270.075
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.766.074.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	14.086.416.979	7.034.033.915
Lãi bán cổ phần	66.640.768.745	-
Cộng	82.250.394.730	14.946.377.990

6.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.461.500.801	11.534.354.076
Chi phí lãi vay trái phiếu	9.036.233.333	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.726.627.777	4.920.881.315
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2.611.627.096	305.096.364
Chi phí tài chính khác	158.812.133	-
Cộng	39.994.801.140	16.760.331.755

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.5. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	308.009.865	456.115.430
Chi phí nhân công	1.684.536.544	1.567.018.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.145.622.371	2.407.018.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.181.189.420	12.162.816.592
Chi phí khác bằng tiền	3.769.165.667	2.160.080.328
Cộng	37.088.523.867	18.753.049.618
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.704.769.987	569.349.646
Chi phí nhân công	7.953.999.579	8.586.257.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.435.088.640	3.141.846.997
Chi phí dự phòng	-	467.131.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.763.996.642	2.816.143.992
Chi phí khác bằng tiền	3.652.822.167	9.323.760.666
Cộng	31.510.677.015	24.904.489.641

6.6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.267.364.456
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	41.182.760	28.725.707
Các khoản thu nhập khác	642.796.175	466.659.306
Cộng	683.978.935	2.762.749.469

6.7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	197.317.501	-
Các khoản chi phí khác	38.799.037	8.145.058
Cộng	236.116.538	8.145.058

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập DN	168.136.430.725	68.117.794.265
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	260.813.705	(5.801.402.673)
Cộng: Chi phí không được trừ	1.203.595.705	964.671.327
+ Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ	364.000.866	136.327.300
+ Các khoản phạt	17.543.209	80.127.715
+ Chi phí khấu hao của tài sản cố định có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	822.051.630	748.216.312
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	942.782.000	6.766.074.000
+ Tiền cổ tức được chia từ liên doanh, liên kết (Nhận từ năm đầu tiên mua VBC)	942.782.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	168.397.244.430	62.316.391.592
<u>Trong đó:</u>		
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi	19.842.347.567	25.492.103.562
- Thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi	148.554.896.863	36.824.288.030
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	29.710.979.373	7.364.857.606
Điều chỉnh khác	72.636.364	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	72.636.364	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	29.783.615.737	7.364.857.607

6.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.131.193.184.415	732.681.311.151
Chi phí nhân công	76.524.727.810	52.203.633.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.249.168.305	37.954.608.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.613.423.272	40.514.500.345
Chi phí khác bằng tiền	7.426.407.164	8.100.364.338
Cộng	1.359.006.910.966	871.454.418.117

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 và 5.17 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	1.583.405.278.384	1.546.914.128.609
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>130.286.689.601</i>	<i>271.195.540.667</i>
Nợ thuần	1.453.118.588.783	1.275.718.587.942
Vốn chủ sở hữu	999.627.352.549	905.900.863.638
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	145,37%	140,82%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.286.689.601	271.195.540.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	252.922.857.954	240.642.418.069
Các khoản ký quỹ	-	3.789.210.700
Cộng	533.209.547.555	515.627.169.436
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	1.583.405.278.384	1.546.914.128.609
Phải trả người bán và phải trả khác	285.727.682.446	306.433.407.232
Cộng	1.869.132.960.830	1.853.347.535.841

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	30/06/2017	01/01/2017
Đô la Mỹ (USD)	9.057.722,94	9.573.488,35
- Tiền và các khoản tương đương tiền	823.395,94	1.968.184,59
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.234.327,00	7.605.303,76
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.051.374,50	6.684.863,74
Euro (EUR)	24.640,01	63.451,17
- Tiền và các khoản tương đương tiền	24.640,01	63.451,17
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	163.184,00	44.644,22
Bảng Anh (GPB)	711,55	89.800,65
- Tiền và các khoản tương đương tiền	711,55	1.864,12
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	87.936,53
Trung Quốc (CYN)	676,00	5.930,00
- Tiền và các khoản tương đương tiền	676,00	5.930,00
Đài Loan (TWD)	-	19.300,00
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	19.300,00
Nhật Bản (JPY)	32.000,00	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	32.000,00	-
	Công nợ	
	30/06/2017	01/01/2017
Đô la Mỹ (USD)	36.052.159,19	42.582.904,55
- Các khoản vay	24.784.339,79	30.539.617,75
- Phải trả người bán và phải trả khác	10.733.953,46	11.634.716,85
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	533.865,94	408.569,95
Euro (EUR)	5.952,58	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.952,58	-

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.286.689.601	-	130.286.689.601
Phải thu khách hàng và phải thu khác	252.922.857.954	-	252.922.857.954
Cộng	533.209.547.555	-	533.209.547.555
Tại 30/06/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	285.727.682.446	-	285.727.682.446
Các khoản vay	642.963.196.958	940.442.081.426	1.583.405.278.384
Cộng	928.690.879.404	940.442.081.426	1.869.132.960.830
Chênh lệch thanh khoản thuần	(395.481.331.849)	(940.442.081.426)	(1.335.923.413.275)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.195.540.667	-	271.195.540.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	240.642.418.069	-	240.642.418.069
Các khoản ký quỹ	3.789.210.700	-	3.789.210.700
Cộng	515.627.169.436	-	515.627.169.436
Tại 01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	306.433.407.232	-	306.433.407.232
Các khoản vay	719.337.640.571	827.576.488.038	1.546.914.128.609
Cộng	1.025.771.047.803	827.576.488.038	1.853.347.535.841
Chênh lệch thanh khoản thuần	(510.143.878.367)	(827.576.488.038)	(1.337.720.366.405)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần An Phát Holdings
 Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
 Công ty TNHH Nhựa Thakhek - CHDCND Lào
 Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành
 Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
 Công ty con cấp 1
 Công ty con cấp 1
 Công ty con cấp 2
 Công ty con cấp 2

CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ
01/01/2017 đến 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng như sau:

Khoản mục	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	330.000.000	330.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	132.000.000	132.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	717.383.178	655.453.000
Cộng	1.179.383.178	1.117.453.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	176.957.303.463	18.549.440.433
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	176.957.303.463	18.549.440.433
Công ty Cổ phần An phát Holdings	382.619.545	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	24.936.499.998	-
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	299.400.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	52.692.827.296	24.028.643.364
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	52.692.827.296	24.028.643.364
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	886.363.636	-
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	18.996.908.797	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu	19.389.950.094	5.315.169.086
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	9.578.594	5.315.169.086
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	18.630.150.000	-
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	329.340.000	-
Công ty Cổ phần An phát Holdings	420.881.500	-
Các khoản phải trả người bán	6.609.666.451	-
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	3.069.125.793	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	975.000.000	-
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	2.565.540.658	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	220.960.000.000	-
Công ty Cổ phần An phát Holdings	220.960.000.000	-
Trả trước cho người bán	-	1.271.234.275
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	-	1.271.234.275

CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ
01/01/2017 đến 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động cho đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi nhận thấy có một số sự kiện trọng yếu cần thiết phải trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 1207/2017/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 12 tháng 07 năm 2017, Công ty đã phê duyệt phương án mua lại cổ phiếu của các cổ đông có nhu cầu chuyển nhượng tại công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái trong thời gian tới. Cụ thể, Công ty sẽ mua lại khoảng 15,81% vốn điều lệ tương đương 2.150.000 cổ phiếu của HII theo giá thị trường tại thời điểm mua. Tổng số cổ phiếu HII mà Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát sở hữu dự kiến sau khi hoàn thành giao dịch là 6,95 triệu cổ phiếu, tương ứng 51,1% vốn điều lệ.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét.



Hồ Thị Hòe
Người lập

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017



Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc